

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ST  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 16- 4 -2024.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ST, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thanh Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phước.

Ông Phạm Hữu Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Ý, thư ký Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị T**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện A2, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Kiên C**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2023, nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Châu, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2010, ngày 22/10/2010. Trong quá trình chung sống do có quá nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã nên đã sống ly thân. Nay bà Hà Thị T yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Kiên C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C có một người con chung là cháu Nguyễn Hưng T1 (nam, sinh ngày 05/9/20XX). Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hưng T1 cho đến khi cháu T1 đủ tuổi trưởng thành. Bà Hà Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Kiên C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị T tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**Tại đơn yêu cầu đề ngày 01/3/2024, bị đơn ông Nguyễn Kiên C trình bày:** Ông C có biết việc bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố ST để yêu cầu ly hôn với ông Cg. Ông C thống nhất theo đơn khởi kiện của bà T. Về quan hệ hôn nhân ông C đồng ý ly hôn với bà T; Về con chung ông C đồng ý để cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hưng T1 (nam, sinh ngày 05/9/20XX) cho đến khi cháu T1 đủ tuổi trưởng thành, ông C không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên ông C không yêu cầu giải quyết.

**Ý kiến của kiểm sát viên:** Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tông đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

**[1.1]** Theo đơn khởi kiện, bà Hà Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Kiên C, sinh năm 19XX có địa chỉ số số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[1.2]** Tại phiên Tòa hôm nay, bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà T và ông C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tôn trọng nhau và cũng không hòa giải được nữa, bà T và ông C đã chính thức bỏ nhau và sống ly thân, bà T và ông C cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thẩm cho bà T được ly hôn với ông C.

**[2.2]** Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C có một người con chung là cháu Nguyễn Hưng T1 (giới tính nam, sinh ngày 05/9/20XX). Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hưng T1 cho đến khi cháu T1 đủ tuổi trưởng thành vì hiện nay cháu T1 đang sống chung với bà T, ông C cũng đồng ý giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà T và ông C sống ly thân đến nay thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, cuộc sống của cháu đang ổn định và hiện nay phát triển bình thường. Đồng thời, Tại tờ nguyện vọng đề ngày 15/12/2023 thì cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống, việc học tập cũng như tâm lý của cháu T1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu của bà T về việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Hà Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Kiên C cấp dưỡng nuôi cháu T1. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[2.3]** Về tài sản chung: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C tự trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[2.4]** Về nợ chung: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C tự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3]** Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hà Thị T với ông Nguyễn Kiên C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hưng T1 (giới tính nam, sinh ngày 05/9/20XX) cho bà Hà Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Kiên C không cấp dưỡng cho cháu T1.

Ông Nguyễn Kiên C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hưng T1 (giới tính nam, sinh ngày 05/9/20XX) mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C trình bày trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Kiên C trình bày ông bà không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001374 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh ST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

*(đã ký)*

**Phan Thanh Loan**



